

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 650/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà M, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Số nhà 124, tổ 14B, đường N5, khu phố 6, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương – Có mặt.

Bị đơn: Ông S, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: Tổ 14B, đường N5, khu phố 6, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/6/2022, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà M trình bày:

Bà M và ông S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là phường H, thị xã C), tỉnh Bình Dương vào ngày 02/3/2007. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khi về sống chung với nhau một thời gian vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân

do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường gây gỗ, cãi vã, ông S thường nhậu nhẹt, say xỉn, mỗi lần say xỉn ông S đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà và gia đình bà vô cớ. Ngày 09/6/2022, ông S dùng dao chém đứt gân cổ tay trái của bà và phải đi may bốn mũi chỉ. Sự việc mâu thuẫn của hai vợ chồng, bà M có báo cho chính quyền địa phương, ông S ký cam kết sẽ sửa đổi nhưng đều không có kết quả. Bà M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Do đó, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông S có 02 con chung tên Nguyễn X, sinh ngày 29/11/2007 và Nguyễn T, sinh ngày 16/3/2012. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 12/7/2022, lời trình bày trong phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải ngày 12/7/2022, bị đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Ông S thống nhất với lời trình bày của bà M về quan hệ hôn nhân, con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo ông S, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khi về sống chung với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay gây gỗ, cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông S thừa nhận có nhiều lần đánh đập vợ, nguyên nhân là do bà M nhậu, ông S can ngăn nên xảy ra xô xát. Ngày 09/6/2022, ông S có uống rượu nên xảy ra cãi vã, ông S có dùng dao chém đứt gân cổ tay của bà M. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Nguyễn X, sinh ngày 29/11/2007 và Nguyễn T, sinh ngày 16/3/2012, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, đồng thời không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới tại phiên tòa.

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, đồng thời không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới tại phiên tòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

+ Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông S; về con chung, đề nghị giao các con chung là Nguyễn X, sinh ngày 29/11/2007 và Nguyễn T, sinh ngày 16/3/2012 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo thủ tục chung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bà M và ông S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là phường H, thị xã C), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01. Như vậy, hôn nhân giữa bà M và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà M và ông S trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Ông S có đánh đập, chửi bới bà M. Ngày 09/6/2022, trong lúc say xỉn và vợ chồng xảy ra cãi vã, ông S đã dùng dao chém đứt gân tay của bà M. Nhận thấy hôn nhân giữa bà M và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và không thể hàn gắn được. Do đó, xét thấy cần chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông S để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Đối với các cháu Nguyễn X, sinh ngày 29/11/2007 và Nguyễn T, sinh ngày 16/3/2012 hiện nay các cháu đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của các cháu là được sống cùng với mẹ (bà M) khi cha mẹ ly hôn. Xem xét đến nguyện vọng và để đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của các cháu thì cần giao các cháu Nguyễn X và Nguyễn T cho bà M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 28, 35, 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M đối với bị đơn ông S về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn X, sinh ngày 29/11/2007 và Nguyễn T, sinh ngày 16/3/2012 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung do bà M không có yêu cầu.

Ông S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau này nếu có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0005422 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Bà M đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THA dân sự thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

